**PHỤ LỤC II**

**TỶ LỆ QUY ĐỔI MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP THƯỜNG SỬ DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /BCĐTW-CTK ngày /5/2025*

*của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 trung ương)*

1. **Thóc**

Tỷ lệ quy đổi thóc tươi về thóc khô (thóc có độ ẩm tiêu chuẩn 14%) theo từng mùa vụ như sau:

- Thóc vụ đông xuân, tỷ lệ quy đổi từ thóc tươi sang thóc khô từ 70% đến 80%, 1 kg thóc tươi tương đương khoảng 0,7 kg - 0,8 kg thóc khô;

- Thóc vụ mùa, vụ hè thu, vụ thu đông từ 65% đến 70%, 1 kg thóc tươi tương đương khoảng 0,65 kg - 0,7 kg thóc khô.

1. **Ngô**

Tỷ lệ thu hồi hạt từ bắp là 43% đến 48%, 1 kg bắp ngô tương đương khoảng 0,43 kg - 0,48 kg hạt ngô khô;

1. **Chè**

Chè búp tươi quy đổi ra chè búp khô tỷ lệ từ 20% đến 25%, 1 kg chè búp tươi tương đương khoảng 0,2 kg - 0,25kg chè búp khô.

1. **Cà phê**

Tỷ lệ quy đổi từ quả tươi ra nhân khô là 20%, 1 kg quả cà phê tươi tương đương khoảng 0,2 kg nhân khô.

1. **Cao su**

Tỷ lệ quy đổi từ mủ tươi sang mủ khô là 30%, 1 kg mủ tươi tương đương khoảng 0,3 kg mủ khô.

1. **Tiêu**

Tỷ lệ quy đổi từ quả tươi sang hạt khô từ 28% đến 35%, 1 kg hạt tiêu tươi tương đương khoảng 0,28 kg- 0,35 kg hạt tiêu khô.

1. **Điều**

Tỷ lệ quy đổi từ hạt điều tươi sang hạt khô từ 65% đến 70%, 1 kg hạt điều tươi tương đương khoảng 0,65 kg - 0,7 kg hạt điều khô.